TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH** T	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2024/HS-ST
Ngày 14 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH T

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Vinh.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Duyên và Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh T.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 02 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Thị Lệ T,** sinh ngày 08/7/2004 tại tỉnh H;

Nơi ĐKHKTT: Khu dân cư Đ, phường A, thành phố H, tỉnh H; Nơi tạm trú: Khu đô thị B, phường X, thị xã T, tỉnh B; Nghề nghiệp: Sinh viên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Vũ Văn Tô và bà Nguyễn Thị Hà; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

- Bị hại:

1. Cháu Vương Gia H, sinh năm 2007; Người đại diện theo pháp luật: Anh Vương Thế V, sinh năm 1998, cùng trú tại: Tổ 6, phường M, thành phố T, tỉnh T. *Có đơn xin xét xử vắng mặt*;

2. Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1987, trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện D, tỉnh T. *Có đơn xin xét xử vắng mặt*;

3. Anh Hoàng Sơn B, sinh năm 1998; trú tại: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh T. *Có mặt.*

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Đình S**,** sinh năm 1995.
Nơi cư trú: Xóm 2, thôn C, xã T, huyện T, tỉnh H.
(Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh T). *Có mặt.*

- *Người làm chứng:* Cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 2007; Người đại diện theo pháp luật: Chị Lâm Kiều O, sinh năm 2004, cùng trú tại: Xóm 4, xã K, thành phố T, tỉnh T. *Có đơn xin xét xử vắng mặt*;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Vũ Thị Lệ T có quan hệ yêu đương với Nguyễn Đình S; mặc dù biết rõ trên thực tế S không có hoạt động kinh doanh mua bán xe mô tô đã qua sử dụng, mà chỉ thông qua mạng xã hội Facebook, Zalo đưa ra thông tin gian dối (bán xe mô tô không có thật) để lừa những người có nhu cầu mua xe để chiếm đoạt tiền mua xe và tiền đặt cọc mua xe. Trong các ngày 04, 11 và 16/5/2023, bị cáo Vũ Thị Lệ T đã 03 lần có hành vi giúp Nguyễn Đình S bằng cách đóng giả là nhân viên kế toán hoặc là vợ của S tạo ra các tin nhắn thoại theo sự hướng dẫn của S với nội dung đưa ra thông tin gian dối, không đúng sự thật để S gửi cho anh Hoàng Sơn B, chị Nguyễn Thị Trà M (là người được anh Vương Gia H nhờ giao dịch, chuyển tiền hộ) và ông Hoàng Văn M là những người có nhu cầu mua xe mô tô đã qua sử dụng, nhằm thúc giục họ nhanh chóng chuyển tiền mua xe hoặc tiền đặt cọc mua xe để S chiếm đoạt, với tổng số tiền là 21.800.000 đồng. Trong đó chiếm đoạt của anh Hoàng Sơn B 4.300.000 đồng; anh Vương Gia H (qua chị Nguyễn Thị Trà M) 11.500.000 đồng; ông Hoàng Văn M 6.000.000 đồng). Cụ thể:

- ***Lần 1:*** Sáng ngày 04/5/2023 bị cáo Vũ Thị Lệ T và Nguyễn Đình S đang đi cùng nhau ở địa bàn thành phố H, tỉnh H, lúc này S đang thực hiện hành vi Lừa bán xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 150 (xe không có thật) cho anh Hoàng Sơn B (trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh T) và thúc giục anh B chuyển tiền đặt cọc mua xe để chiếm đoạt; để tạo sự tin tưởng cho anh B và chuyển tiền đặt cọc mua xe nhanh, S đã nhờ bị cáo T đóng giả làm vợ S nói chuyện bằng tin nhắn thoại qua ứng dụng Facebook Messenger tên tài khoản "Phạm Tuấn" của S gửi cho anh B (Facebook Messeger được S cài đặt sẵn trên điện thoại di động Iphone 7 Plus của mình). Mặc dù không biết là S đang nhắn tin thoại với tài khoản Facebook Messenger nào và biết rõ là S đang nhờ mình đưa ra thông tin gian dối để lừa người mua xe chuyển tiền, xong bị cáo vẫn đồng ý giúp S. Sau đó, S nói những nội dung thoại để bị cáo nhắc lại theo, các đoạn thoại như: *"Bạn ơi, bạn xem biển số xe vừa nãy chồng mình gửi cho bạn nhé"; "Bạn ơi, bạn chuyển bạn nhớ ghi nội dung giúp mình với nhé để mình còn viết giấy tờ mua bán cho sớm"; "Bạn ơi, bây giờ bạn thanh toán luôn giúp mình với nhé, để mình còn viết giấy tờ cho sớm để mình còn đưa cho chồng mình nữa để chồng mình còn đi"; "Với lại chồng mình còn thanh toán giấy tờ xe cho bạn nữa ấy"; "Bạn ơi, bạn thử gọi điện cho ngân hàng hỏi xem giúp mình với nhé, tại vì bên mình chuyển thành công nó trừ tiền rồi ấy".* Khi bị cáo nói xong, S đã gửi các tin nhắn thoại này cho anh B và anh B đã tin tưởng chuyển tiền 03 lần vào tài khoản ngân hàng của S để đặt cọc

mua xe mô tô, với tổng số tiền là 4.300.000 đồng. Ngay sau khi anh B chuyển số tiền đặt cọc mua xe mô tô trên, S đã chặn mọi liên lạc với anh B và chiếm đoạt số tiền này.

- Lần 2: Chiều ngày 11/5/2023, bị cáo T và S đang cùng nhau đi chơi ở địa bàn thành phố H, tỉnh H (không nhớ địa điểm cụ thể), khi đó S đang thực hiện hành vi lừa bán xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision (xe không có thật) cho anh Vương Gia H (trú tại tổ 6, phường M, thành phố T, tỉnh T). Do bận công việc riêng nên anh H nhờ bạn mình là chị Nguyễn Thị Trà M (trú tại Xóm 4, xã K, thành phố T) trực tiếp liên hệ giao dịch mua bán xe với S. Sau đó, S liên tục thúc giục chị M chuyển tiền mua xe, đồng thời S còn nhờ T nói chuyện bằng tin nhắn thoại qua ứng dụng Facebook Messenger tên tài khoản "Phạm Tuấn" của S rồi gửi cho chị M để tin tưởng nhanh chuyển tiền mua xe cho S để chiếm đoạt. Mặc dù bị cáo biết là S đang nhờ mình đưa ra thông tin gian dối lừa người mua xe chuyển tiền như lần trước, nH bị cáo vẫn đồng ý giúp S bằng cách nói lại nội dung theo hướng dẫn của S để tạo tin nhắn thoại, cụ thể: *"Em ơi. Em chuyển rồi em chụp cho chị các biu thành công như này nhớ"; "Em ơi em chuyển luôn cho chị với nhé để chị còn chốt sổ rồi chị gọi lái xe quay lại luôn nhé"; "Em ơi em ra chỗ ngã ba đứng đợi để lấy giúp chị với nhé", "Em ơi tầm hai mươi đến ba mươi phút nữa lái xe sẽ quay lại nhé"; "Em ơi vừa chị gọi lại cho lái xe, lái xe người ta rút bốn triệu rồi nhé, bây giờ em chuyển luôn giúp chị bốn triệu để chị còn chốt sổ nhé"; "Còn đâu tí em nhận xe thì em không phải đưa tiền cho lái xe nữa"; "Em ơi, em chuyển xong em chụp cho chị cái biu thành công của bên em với nhớ, với lại em đứng ở ngã ba người ta đang giao xe cho em rồi đấy"; "Lái xe người ta đang quay lại giao rồi em nhớ"*. Sau khi chị M nhận được các tin nhắn thoại này đã tin tưởng thực hiện 03 lần chuyển khoản với tổng số tiền là 11.500.000 đồng từ tài khoản ngân hàng MBBank của mình vào tài khoản ngân hàng của S. Ngay sau đó, S đã chặn mọi liên lạc với chị M và chiếm đoạt số tiền này.

- Lần 3: Ngày 16/5/2023, bị cáo và S đang cùng nhau đi ngoài đường (không nhớ cụ thể giờ, địa điểm ở đâu), khi đó S đang thực hiện hành vi Lừa bán xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Fx 150 (xe không có thật) cho ông Hoàng Văn M (trú tại thôn Đ, xã H, huyện D, tỉnh T). S sử dụng điện thoại Iphone 7 Plus của mình và bảo bị cáo đóng giả làm kế toán, nhắc lại lời nói của S để tạo tin nhắn thoại rồi gửi cho ông M qua mạng xã hội Zalo bằng tài khoản tên "Son Vinh" của mình nhằm thúc giục ông S chuyển tiền đặt cọc mua xe mô tô để chiếm đoạt, nội dung các tin nhắn thoại cụ thể là: "A*nh ơi em là kế toán của anh S anh nhớ"; "OK anh đợi em một chút để em chếch xem hồ sơ của anh có được hay không nhớ"; "Anh ơi của anh mua xe thì vừa em chếch anh đủ điều kiện để mua anh nhớ"; "Anh ơi khi nào anh chuyển xong thì anh chuyển cho em cái ảnh thành công như này với nhớ"; "OK nhớ để em còn lên giấy tờ cho xong anh ạ", Bạn ơi bạn cứ bảo bạn ấy liên hệ với chồng mình nhé".* Sau khi ông M nhận được các tin nhắn thoại trên đã tin tưởng là

thật và thực hiện 03 lần chuyển khoản tiền đặt cọc mua xe mô tô với tổng số tiền là 6.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của S. Ngay sau khi nhận được tiền, S chặn mọi liên lạc với ông M, chiếm đoạt số tiền này.

Số tiền chiếm đoạt của các bị hại nói trên, Nguyễn Đình S không chia cho bị cáo Vũ Thị Lệ T đồng nào.

Trong vụ án này ngoài việc nhờ bị cáo Vũ Thị Lệ T thực hiện hành vi phạm tội nói trên, đối tượng Nguyễn Đình S còn cùng đối tượng Vũ Tuấn Th còn thực hiện hành vi lừa đảo bán xe mô tô cho 15 người khác ở tỉnh T và các tỉnh, thành phố khác để chiếm đoạt tiền mua xe, tiền đặt cọc mua xe. Hành vi phạm tội của Nguyễn Đình S và Vũ Tuấn Th đã bị Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử tại bản án số 05/2024/HS-ST, ngày 24 - 01 - 2024 (hành vi của bị cáo Vũ Thị Lệ T được tách ra để xử lý sau). Theo quyết định của bản án, Nguyễn Đình S bị xử phạt 02 năm 03 tháng tù, Vũ Tuấn Th bị xử phạt 02 năm tù (cùng về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản); Về trách nhiệm dân sự Tòa án nhân dân tỉnh T đã buộc Nguyễn Đình S và Vũ Tuấn Th phải hoàn trả cho anh Vương Gia H 11.500.000 đồng (trong đó bị S phải chịu 6.300.000 đồng, Thắng phải chịu 5.200.000 đồng); buộc Nguyễn Đình S có trách nhiệm hoàn trả cho ông Hoàng Sơn B 4.300.000 đồng; hoàn trả cho ông Hoàng Văn M 6.000.000 đồng, đồng thời có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền chiếm đoạt của 15 bị hại khác (các trường hợp này bị cáo Vũ Thị Lệ T không tham gia).

**** Về thu giữ vật chứng, tài liệu:*** Tạm giữ 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone 8 Plus, vỏ màu trắng, màn hình cảm ứng, số IMEI là 353010091919516, bên trong lắp một SIM có dãy số 8984048000330560658 của Vũ Thị Lệ T.

Về trưng cầu giám định:

- Tại Kết luận giám định số 997/KL-KTHS ngày 17/8/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T, kết luận: Trong điện thoại của Vũ Thị Lệ T gửi giám định (ký hiệu A1):

+ Không tìm thấy tin nhắn qua ứng dụng "Tin nhắn" giữa số điện thoại 0973.382.987 với các số điện thoại 0338.626.134; 0966.952.733; 0392.206.788; 0962.015.255; 0974.532.723;

+ Không tìm thấy tin nhắn qua ứng dụng "Facebook Messenger" giữa tài khoản có tên "Lệ T" với tài khoản có tên "S Smile";

+ Chụp được 69 ảnh màn hình tin nhắn qua ứng dụng "Zalo" giữa tài khoản có tên "Hanna" với tài khoản có tên "Son Smile".

- Tại Kết luận giám định số 1306/KL-KTHS ngày 09/10/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T có nội dung:

(1) Mẫu cần giám định: 01 Bì thư đã được niêm phong theo quy định, ngoài bì ghi "Đĩa DVD do Nguyễn Thị Trà M cung cấp", ký hiệu A1, trong bì chứa 01 đĩa DVD, trên đĩa DVD lưu trữ tệp Video có tên "6794475983635023047.mp4", dung lượng 14,4MB, độ dài 00h02'24''; 01 Hộp nhựa đã được niêm phong theo

quy định, trên giấy niêm phong ghi "Đĩa DVD do Hoàng Sơn B cung cấp", ký hiệu A2, trong hộp chứa 01 đĩa DVD, trên đĩa DVD lưu trữ tệp Video có tên "4714533688902578158.mp4", dung lượng 26,4MB, độ dài 00h03'15''.

(2) Mẫu so sánh: 01 đĩa DVD, trên đĩa lưu trữ 01 tệp dữ liệu âm thanh, có tên "Giọng nói của Vũ Thị Lệ T.mp3", dung lượng 2,72MB, đã được niêm phong theo quy định. Ký hiệu M1.

(3) Kết luận: Không đủ cơ sở xác định nội dung trong các file gửi giám định có bị cắt ghép, chỉnh sửa hay không *(do các file video gửi giám định được tạo bằng ứng dụng quay lại màn hình từ thiết bị ghi hình)*. Do đó, không tiến hành giám định các nội dung khác.

- Tại Kết luận giám định số 1347/KL-KTHS ngày 18/10/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T, có nội dung:

(1) Mẫu cần giám định: 01 đĩa DVD có tên "Phụ lục A1.1" *(Đĩa DVD kèm theo Kết luận giám định số 995/KL-KTHS, ngày 29/8/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T)*. Ký hiệu A1, tại thư mục Audio lưu trên đĩa chứa các tệp âm thanh (gồm 07 tệp âm thanh).

(2) Mẫu so sánh: 01 đĩa DVD, trên đĩa lưu trữ 01 tệp dữ liệu âm thanh, có tên "Giọng nói của Vũ Thị Lệ T.mp3", dung lượng 2,72MB, đã được niêm phong theo quy định. Ký hiệu M1.

(3) Kết luận:

Không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung âm thanh trong các file ghi âm cần giám định.

Tiếng nói của người phụ nữ trong các file ghi âm cần giám định có số thứ tự 1, 2, 3, 5, 6, 7 *(được thống kê theo trưng cầu, ký hiệu là "Nữ" trong Bản dịch nội dung mẫu cần giám định)* và tiếng nói của Vũ Thị Lệ T trong mẫu so sánh M1 là của cùng một người.

Không có tiếng nói của Vũ Thị Lệ T trong file ghi âm cần giám định có số thứ tự 4 *(được thống kê theo trưng cầu)*.

Nội dung trong các file ghi âm cần giám định đã được dịch thành văn bản *(gồm 02 trang A4)*.

Bản Cáo trạng số 05/CT-VKS-P1 ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T đã truy tố bị cáo Vũ Thị Lệ T về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với quá trình điều tra và bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo khai, bị cáo nhận lời giúp sức cho Nguyễn Đình S là do nể nang, không vì lợi ích cá nhân. Sau khi Nguyễn Đình S bị xét xử và buộc phải bồi thường toàn bộ thiệt hại, bị cáo đã đến gia đình bị cáo S, gặp anh Nguyễn Đình Mạnh (anh trai Nguyễn Đình S để) nộp 7.000.000 đồng góp vào khoản tiền 20.000.000 đồng anh Mạnh đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh

T, vì bị cáo xác định bản thân cũng có lỗi, cần phải chịu trách nhiệm một phần (có xác nhận của anh Nguyễn Đình Mạnh).

Bị hại Hoàng Sơn B có mặt tại phiên tòa xác nhận có được bị cáo T trao đổi qua tin nhắn thoại đúng như lời khai của bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm (vì đã được giả quyết tại bản án trước). Về hình phạt bị hại Hoàng Sơn B đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo vì bị cáo còn trẻ, vai trò trong vụ án không đáng kể.

Tại phiên tòa các bị hại Vương Gia H, Hoàng Văn M đều vắng mặt nH trong đơn xin xét xử vắng mặt của mình, bị hại Hoàng Sơn B xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đình S xác định có nhờ bị cáo Vũ Thị Lệ T thực hiện một số hành vi đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và công nhận bị cáo T không được nhận lợi ích gì khi thực hiện hành vi phạm tội cùng mình.

Phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Thị Lệ T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Thị Lệ T từ 06 tháng đến 09 tháng tù nH cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng, Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không đề nghị phạt tiền và xem xét trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone 8 Plus, vỏ màu trắng, màn hình cảm ứng, do bị cáo không sử dụng trong quá trình phạm tội.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí, không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Kết thúc phần tranh luận, bị cáo Vũ Thị Lệ T nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện nH được các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh T tạm giữ lại để điều tra, truy tố, xét xử, vì vậy thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 268 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa vắng mặt một số bị hại, người làm chứng, tuy nhiên các bị hại, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ và việc vắng mặt của các bị hại, người làm

chứng không ảnh hưởng tới việc giải quyết xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Thị Lệ T tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng vật chứng thu giữ, các kết luận giám định, lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong các ngày 04, 11 và 16/5/2023, bị cáo Vũ Thị Lệ T, là người yêu của Nguyễn Đình S, mặc dù biết S trên thực tế không thực hiện hoạt động kinh doanh mua bán xe mô tô đã qua sử dụng và biết rõ S đang sử dụng Facebook Masseger, Zalo (tài khoản Facebook tên "Phạm Tuấn", tài khoản Zalo tên "Son vinh") để thực hiện hành vi lừa đảo bán xe mô tô nhằm chiếm đoạt tiền mua xe hoặc tiền đặt cọc mua xe của những người có nhu cầu, nH khi được S nhờ Thuỷ đã đồng ý giúp S 03 lần đóng giả là nhân viên kế toán hoặc là vợ của S tạo ra các tin nhắn thoại theo sự hướng dẫn của S với nội dung đưa ra thông tin gian dối, không đúng sự thật để S gửi cho anh Hoàng Sơn B, anh Vương Gia H (thông qua chị Nguyễn Thị Trà M) và ông Hoàng Văn M là những người có nhu cầu mua xe mô tô đã qua sử dụng, nhằm thúc giục họ nhanh chóng chuyển tiền mua xe hoặc tiền đặt cọc mua xe để chiếm đoạt của anh Hoàng Sơn B 4.300.000 đồng; anh Vương Gia H (thông qua chị Nguyễn Thị Trà M) 11.500.000 đồng; ông Hoàng Văn M 6.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo giúp sức cùng Nguyễn Đình S chiếm đoạt của các bị hại là 21.800.000 đồng.

Bị cáo Vũ Thị Lệ T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; đã nhiều lần có hành vi giúp sức cho Nguyễn Đình S thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của nhiều người bằng thủ đoạn gian dối; tổng số tiền bị cáo đã giúp sức để chiếm đoạt của các bị hại là 21.800.000 đồng; hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu của người khác về tài sản. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T truy tố bị cáo về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Vũ Thị Lệ T thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần và của nhiều người nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Phạm tội 02 lần trở lên"* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Vũ Thị Lệ T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình học tập được tặng thưởng 02 Giấy khen về thành tích học tập; quá trình chuẩn bị xét xử đã tự nguyện khắc phục hậu quả; các bị hại Hoàng Sơn B, Hoàng Văn M xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

[4] Về hình phạt: Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; phạm tội với vai trò giúp sức không đáng kể; các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng. Vì vậy, không cần phải bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo theo đúng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T.

Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo còn đang là sinh viên học đại học, không có thu nhập ổn định, chưa có tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo đúng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Các bị hại không có ý kiến gì về trách nhiệm bồi thường dân sự do đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2024/HS-ST, ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh T, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã thu giữ của bị cáo Vũ Thị Lệ T 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone 8 Plus, vỏ màu trắng, màn hình cảm ứng, số IMEI là 353010091919516, bên trong lắp một SIM có dãy số 8984048000330560658, do bị cáo T không sử dụng trong quá trình phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[7] Trong vụ án này ngoài việc nhờ bị cáo Vũ Thị Lệ T thực hiện hành vi phạm tội nói trên, đối tượng Nguyễn Đình S còn cùng đối tượng Vũ Tuấn Th thực hiện hành vi lừa đảo bán xe mô tô cho 15 người khác ở tỉnh T và các tỉnh, thành phố khác để chiếm đoạt tiền mua xe, tiền đặt cọc mua xe. Hành vi phạm tội của Nguyễn Đình S và Vũ Tuấn Th đã bị Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2024/HS-ST, ngày 24/01/2024. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo Vũ Thị Lệ T chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Vũ Thị Lệ T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị Lệ T **07** (bẩy) tháng tù nH cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/3/2024).

Giao bị cáo Vũ Thị Lệ T cho Uỷ ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh H nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Vũ Thị Lệ T 01 (Một) điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone 8 Plus, vỏ màu trắng, màn hình cảm ứng, số IMEI là 353010091919516, bên trong lắp một SIM có dãy số 8984048000330560658, được đựng trong 01 (Một) Bì niêm phong, ngoài bì ghi "Vụ 997/2023".

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Cục thi hành án dân sự tỉnh T lập ngày 20/02/2024).

3. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vũ Thị Lệ T phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 14/3/2024; các bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Công an tỉnh (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- Bị cáo; Bị hại;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Tuấn Vinh